

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC, PC.

(Handwritten initials)



BỘ TRƯỞNG bởi: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường
Cơ quan Bộ Tài
nguyên và Môi
trường
Ngày ký:
13.01.2020
Trần Hồng Hà 09:42 +07:00

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH NĂM 2020.

1. Năm 2019, với quyết tâm tạo đột phá, phát huy nguồn lực tài nguyên cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu cho phát triển bền vững, ngành tài nguyên và môi trường đã triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp đã đặt ra; dự báo sát các xu thế, nhận diện, xử lý kịp thời các khó khăn phát sinh từ thực tiễn; đổi mới cách nghĩ, cách làm, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; tăng cường công tác phối hợp giữa Trung ương và địa phương để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật tạo sự chuyển biến rõ nét, thực chất trên các lĩnh vực và trong phạm vi cả nước. Tiềm năng, lợi thế về tài nguyên đất đai, biển và hải đảo, địa chất, khoáng sản, nước được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả hơn, đóng góp trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, đô thị,.. Nguồn thu từ tài nguyên đạt cao nhất trong nhiều năm qua.

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường đã có những chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động. Chủ động kiểm soát, phòng ngừa, các dự án có nguy cơ cao ô nhiễm để hoạt động an toàn, hiệu quả đóng góp cho tăng trưởng. Xác định các giải pháp tổng thể, đồng bộ để quản lý chất thải rắn, rác thải nhựa. Nhiều địa phương đã kiên quyết không tiếp nhận các dự án công nghệ lạc hậu, nhà máy dệt nhuộm ở khu vực nguồn nước sinh hoạt, khu vực nhạy cảm về môi

trường. Chủ động trong ứng phó với biến đổi khí hậu với các giải pháp chiến lược; thúc đẩy tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong hành động của các cấp, các ngành, địa phương và người dân trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

Cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được thúc đẩy mạnh theo hướng Chính phủ điện tử. Ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường (phiên bản 2.0); hoàn thiện, vận hành các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia, chuyên ngành (đất đai, môi trường, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước...) kết nối, liên thông các bộ, ngành, địa phương. Với sự nỗ lực của toàn ngành chỉ số tiếp cận đất đai tăng, chất lượng cung cấp dịch vụ công theo khảo sát đánh giá của các tổ chức độc lập được cải thiện, chỉ đo lường sự hài lòng của người dân (SIPAS) tăng đều qua 3 năm.

2. Năm 2020, được Chính phủ xem là năm “về đích” hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của giai đoạn 2016 - 2020, tạo nền tảng cho các mục tiêu dài hạn hơn đến năm 2030, 2045. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến rất nhanh, phức tạp; tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu dự báo sụt giảm; chiến tranh thương mại tiếp diễn khó lường; rủi ro tỷ giá, lãi suất và bất ổn trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng; giá dầu thô và một số hàng hóa cơ bản biến động mạnh; cạnh tranh ngày càng gay gắt. Nhiều quốc gia, đối tác lớn thay đổi, điều chỉnh chính sách sẽ tác động trực tiếp đến thu hút đầu tư, nhu cầu sử dụng tài nguyên. Các nước ngày càng chú trọng hàng rào kỹ thuật về môi trường, cùng với nền kinh tế có độ mở lớn của Việt Nam dẫn đến nguy cơ chuyển dịch công nghệ lạc hậu, kém thân thiện với môi trường vào Việt Nam. Phong trào chống biến đổi khí hậu lên cao ở nhiều nước phát triển và lan rộng ra toàn thế giới dẫn đến nhiều nước, nhiều tổ chức phải thay đổi chính sách về biến đổi khí hậu như yêu cầu xoá bỏ điện than, không tài trợ cho các hoạt động sử dụng năng lượng hoá thạch từ năm 2022... đã tác động mạnh đến các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam.

Ở trong nước, các cải cách về thể chế kiến tạo cho phát triển của Chính phủ sẽ tiếp tục tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư, tác động đến nhu cầu về tài nguyên nhất là mặt bằng đất đai. Dự báo trong thời gian tới, BĐKH, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo do tính thất thường, cực đoan. Tình trạng thiếu bùn, cát, thiếu nước, xâm nhập mặn sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, duyên hải Nam Trung Bộ sẽ tiếp tục tiếp diễn như thời gian qua. Tình trạng thiếu nước cũng đang và sẽ xảy ra ở ngay cả khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên. Để thực hiện thành công mục tiêu năm 2020 và các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, ngành tài nguyên và môi trường đặt quyết tâm cao để đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; tiếp tục đổi mới tư duy hành động; chủ động, sáng tạo trong công tác điều hành; dự báo, phản ứng chính sách

kip thời để vượt qua khó khăn, thách thức tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác quản lý sử dụng tài nguyên, chủ động trong công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2020

Để thực hiện thành công mục tiêu năm 2020 và các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần quán triệt phương châm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả” của Chính phủ, để kế thừa, phát huy các kết quả đạt được tiếp tục đổi mới tư duy hành động; chủ động, sáng tạo trong công tác điều hành; dự báo, phản ứng chính sách kịp thời để vượt qua khó khăn, thách thức tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác quản lý sử dụng tài nguyên, chủ động trong công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Trong đó, cần tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

a) Tập trung hoàn thiện thể chế tạo đột phá giải phóng nguồn lực tài nguyên, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường cho phát triển bền vững. Sửa đổi, bổ sung Luật bảo vệ môi trường phù hợp với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đưa môi trường cùng với kinh tế, xã hội là ba trụ cột trung tâm của phát triển. Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai nhằm quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, phát huy nguồn lực kinh tế, tài chính từ đất đai cho phát triển. Xây dựng chiến lược phát triển ngành tài nguyên và môi trường và chiến lược phát triển của các lĩnh vực.

b) Đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học đầu ngành, chú trọng tăng cường năng lực cho cấp địa phương. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường từ trung ương đến địa phương. Triển khai Đề án tăng cường năng lực đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, hiện đại; chuyển đổi mạnh mẽ mô hình quản lý hiện nay sang mô hình phục vụ người dân, doanh nghiệp, kiến tạo cho phát triển.

c) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; hoàn thành việc rà soát, cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục kiểm tra chuyên ngành. Trong quý I năm 2020 công khai đầy đủ trên cổng thông tin điện tử của Bộ danh mục mã HS tương ứng với bảng so sánh danh mục mặt hàng quản lý, kiểm tra chuyên ngành trước và sau khi cắt giảm. Thực hiện mỗi mặt hàng chỉ giao một đầu mối duy nhất thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện

Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia. Thực hiện cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp độ 4; cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau.

d) Tăng cường thanh tra đột xuất để giải quyết tình trạng nhũng nhiễu, hành dân gây bức xúc trong dư luận. Tập trung thanh tra đối với các dự án đầu tư để lãng phí, hoang hóa đất đai, quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường, việc thực hiện các quy định về điều kiện khi thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang mục đích khác; việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khai thác thực tế tại một số mỏ đá vôi, đá sét làm xi măng; đá ốp lát; mỏ cao lanh; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước của một số đơn vị khai thác, sử dụng nước đa mục tiêu, có quy mô lớn và phục vụ cấp nước cho đô thị. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ; chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, các Bộ ngành khác và các địa phương trong giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

đ) Chủ động nghiên cứu, tham gia tích cực, sâu rộng vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chiến lược chuyên đổi số quốc gia tạo bứt phá phát triển ngành theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ứng dụng công nghệ thông tin, internet kết nối vạn vật trong quản lý tài nguyên và môi trường; giám sát thông minh, tự động hóa trong quan trắc mức độ ô nhiễm, các yếu tố môi trường như nước thải, không khí, áp dụng trong dự báo cảnh báo khí tượng thủy văn kết nối mặt đất với vệ tinh. Ứng dụng rộng rãi công nghệ xử lý chất thải rắn theo hình thức đốt rác phát điện, kết hợp thu hồi năng lượng, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh phát triển công nghệ sinh học trong khôi phục, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

e) Triển khai xây dựng đề án tổng thể cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các bộ, ngành phục vụ Chính phủ điện tử; triển khai cơ sở dữ liệu về đất đai, cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đẩy mạnh thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo.

g) Chủ động hợp tác và hội nhập, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và vận động, thu hút,

thực hiện và quản lý có hiệu quả nguồn hỗ trợ nước ngoài phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của ngành. Tăng cường vai trò và tiếng nói của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác quốc tế và trên diễn đàn quốc tế liên quan đến các lĩnh vực; thúc đẩy, mở rộng các diễn đàn đối thoại chính sách, tham vấn các nhà đầu tư, tài trợ, phục vụ trao đổi thông tin pháp luật về TN&MT.

h) Điều hành thận trọng, linh hoạt và tiết kiệm, phù hợp với chính sách tài khóa và chính sách vĩ mô. Cân đối đủ nguồn lực thực hiện các vấn đề cấp bách của ngành tài nguyên và môi trường theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các vấn đề khác của ngành, đặc biệt là các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này và thực hiện cam kết quốc tế. Tiết kiệm chi thường xuyên, không bố trí cho các nhiệm vụ chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiết kiệm tối đa chi phí tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh thiết, công tác nước ngoài. Triển khai nhanh, quyết liệt công tác phân bổ giao dự toán ngân sách nhà nước, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, phần đấu giải ngân dự toán đúng tiến độ được giao. Giám sát chặt chẽ đầu tư công, nguồn vốn vay, sử dụng và quản lý hiệu quả tài sản công, kiên quyết phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nước. Xử lý nghiêm các trường hợp cố tình chậm triển khai, thực hiện trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu.

i) Tăng cường tổ chức truyền thông, phổ biến các cơ chế chính sách, chủ trương lớn về tài nguyên và môi trường, tổ chức hiệu quả các ngày lễ lớn, sự kiện về tài nguyên và môi trường trong năm; tuyên truyền phổ biến rộng rãi, hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Tổng kết các phong trào, mô hình bảo vệ môi trường có sự tham gia của cộng đồng và định hướng tuyên truyền các phong trào, mô hình cho giai đoạn tiếp theo; tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về tác hại của chất thải túi ni lông khó phân hủy, phong trào chống rác thải nhựa, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; nâng cao nhận thức về tác hại của chất thải rắn sinh hoạt nông thôn, bảo vệ môi trường làng nghề trên phạm vi cả nước, đề xuất các giải pháp, mô hình quản lý, sử dụng có hiệu quả. Nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng tại các khu vực chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

k) Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình phối hợp công tác giữa Bộ và các địa phương, giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các Bộ, cơ quan trung ương.

2. Nhiệm vụ từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành

2.1. Lĩnh vực quản lý đất đai: Tập trung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai nhằm quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, phát huy nguồn lực kinh tế, tài chính từ đất đai cho phát triển, giảm khiếu kiện trong lĩnh vực đất

đai. Triển khai, thực hiện tổng kiểm kê đất đai toàn quốc, tập trung xây dựng quy hoạch sử dụng đất đai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cấp quốc gia. Trong quý II năm 2020 trình Chính phủ ban hành cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giao dịch điện tử về đất đai, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà công trình gắn liền với đất, thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà, đăng ký quyền sử dụng đất để nâng cao chỉ số đăng ký tài sản (A7) lên từ 10 đến 15 bậc, rút ngắn thời gian thực hiện đăng ký tài sản trên thực tế xuống còn không quá 30 ngày. Nâng cao xếp hạng chỉ số Chất lượng hành chính đất đai lên từ 5 đến 7 bậc; phối hợp với tòa án nghiên cứu đề xuất các giải pháp công khai số liệu về giải quyết tranh chấp đất đai, rút ngắn thời gian xử lý các vụ việc về tranh chấp đất đai.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu, hoàn thiện phần mềm quản lý vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai, kết nối liên ngành, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đất đai, thực hiện, đôn đốc, theo dõi và báo cáo Thủ tướng Chính phủ các nội dung liên thông thủ tục hành chính về đất đai với cơ quan thuế. Báo cáo đề xuất Chính phủ bố trí kinh phí hàng năm để hỗ trợ các địa phương về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Chỉ đạo các địa phương thực hiện đúng yêu cầu của Quốc hội tại Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc bố trí dự toán ngân sách, trích nguồn thu từ đất để đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, hướng tới tăng số huyện và số tỉnh đưa cơ sở dữ liệu đất đai vào vận hành khai thác, sử dụng.

Thực hiện việc đấu giá đất công khai việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền sử dụng đất để thực hiện mục đích kinh doanh thương mại. Hoàn thành dứt điểm việc rà soát, đo đạc, cắm mốc giới, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận cho các công ty nông, lâm nghiệp đối với phần đất giữ lại. Đẩy nhanh tiến độ tập trung đất đai cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

2.2. Lĩnh vực tài nguyên nước: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm tăng cường trách nhiệm của từng ngành, địa phương, doanh nghiệp trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước. Điều tra, kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, lập quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và các lưu vực sông liên tỉnh. Giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải; theo dõi, đánh giá, dự báo tình hình suy thoái, cạn kiệt, xâm nhập mặn nguồn nước; thực hiện các giải pháp phòng, chống khô hạn, xâm nhập mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, trước mắt ưu tiên những vùng bị ảnh hưởng nặng. Điều hoà, phân bổ nguồn nước cho các mục đích sử dụng nước. Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông với sự tham gia giám sát của cộng đồng. Thúc đẩy cơ chế chia sẻ, giải quyết tranh chấp, xung đột tài nguyên nước xuyên biên giới theo các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy và thông lệ quốc

tế, chia sẻ thông tin trong vận hành điều tiết nguồn nước. Chủ động tham mưu chủ trương, đối sách của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác Mê Công, Mê Công - Lan Thương.

2.3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: Tổng kết đánh giá Luật Khoáng sản, xây dựng Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; thực hiện thống kê, kiểm kê tài nguyên khoáng sản trên phạm vi toàn quốc; triển khai điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc, Trung Trung Bộ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Sửa đổi Nghị định số 22/2012/NĐ-CP quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản để chuyển hóa nguồn tài nguyên khoáng sản thành nguồn lực cho phát triển. Điều tra, đánh giá đặc điểm cấu trúc địa chất, địa chất công trình, đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng lãnh thổ phục vụ xây dựng và phát triển hạ tầng dải ven bờ biển Việt Nam. Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đề nghị UNESCO công nhận công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn - Sa Huỳnh, Đăk Nông. Nghiên cứu dự báo các nguy cơ tai biến địa chất như sạt lở, sụt lún, động đất, giải pháp khai thác năng lượng từ bể than sông Hồng bằng phương pháp khí hoá. Đẩy mạnh thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tính tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước. Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương ngăn chặn có hiệu quả tình trạng khai thác cát sỏi; nghiên cứu các giải pháp phòng chống sạt lở bờ sông, ven biển.

2.4. Lĩnh vực quản lý biển và hải đảo: Triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, tăng cường nghiên cứu khoa học và điều tra cơ bản về biển để từng bước làm chủ biển khơi. Rà soát, đánh giá để hoàn thiện thể chế về quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển. Tập trung xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ của quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức triển khai và thực hiện tốt vai trò điều phối thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai các kế hoạch, đề án thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngay sau khi được phê duyệt; sơ kết việc thực hiện Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và xây dựng Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm lượng rác thải nhựa và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường và được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Thực hiện hiệu quả Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm

2030. Từng bước thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số hóa về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương và đa phương, đảm bảo an ninh quốc gia và phù hợp với định hướng hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực biển và hải đảo. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo. Củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về biển, hải đảo ở cấp trung ương và địa phương.

2.5. Lĩnh vực môi trường: Tập trung nguồn lực xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quy hoạch bản vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược bảo vệ môi trường giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2040. Tạo chuyển biến căn bản, chủ động trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường, xây dựng nền tảng pháp lý cho phát triển kinh tế tuần hoàn. Hoàn thiện chính sách pháp luật, tăng cường các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền; thiết lập cơ chế sàng lọc dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, phòng ngừa, giảm thiểu, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm; bảo vệ các khu vực nhạy cảm về môi trường; khuyến khích phát triển công nghiệp môi trường, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải. Ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường phù hợp chuẩn mực khu vực và quốc tế; xây dựng lộ trình áp dụng để thiết lập hàng rào kỹ thuật ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường vào Việt Nam. Xây dựng cơ chế, chính sách để điều chỉnh hành vi tiêu dùng, quy định trách nhiệm của nhà sản xuất, phân phối trong thu hồi, tái chế các sản phẩm thải bỏ, khuyến khích phát triển sản phẩm, nhiên liệu, nguyên liệu thân thiện với môi trường. Ứng dụng công nghệ để quản lý môi trường thông minh, phát huy vai trò trung tâm của người dân, các tổ chức chính trị xã hội trong công tác giám sát, thực hiện bảo vệ môi trường. Tổng kết đánh giá CTMT xử lý các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích giai đoạn 2016-2020, thực hiện di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư tập trung.

Tăng cường thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia quản lý chất lượng không khí và đầu tư hệ thống quan trắc không khí tại các đô thị có nguy cơ ô nhiễm. Thúc đẩy thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm các nguồn nước mặt, đảm bảo tỷ lệ KCN, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt ít nhất 90%, huy động có hiệu quả nguồn lực từ các doanh nghiệp đầu tư các trạm xử lý nước thải trước khi đổ vào lưu vực sông để từng bước, cải thiện, phục hồi môi trường. Nâng cao hiệu quả hoạt động các Tổ giám sát về môi trường, bảo đảm không để xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng, các dự án vận hành an toàn về môi trường. Kiểm soát chặt chẽ nguồn thải có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao bằng công nghệ giám sát tự động theo quy định của pháp luật, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm minh các hành vi vi

phạm; nghiêm cấm nhập khẩu rác thải; thực hiện không sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần trong cơ quan hành chính. Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

2.6. Lĩnh vực biến đổi khí hậu: Tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/9/ 2019 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng ĐBSCL thích ứng với BĐKH. Tăng cường điều phối liên vùng trong đầu tư, phát triển bền vững, thích ứng với BĐKH; triển khai chương trình đánh giá liên ngành để có giải pháp tổng thể công trình và phi công trình phòng chống sạt lở, sụt lún.

Cập nhật kịch bản Biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam, Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; hoàn thành đánh giá khí hậu quốc gia; hoàn thành một số hành động chính sách bắt buộc về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng biến đổi khí hậu trong Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Hình thành bước đầu hệ thống cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu của Việt Nam.

Xây dựng thể chế, chính sách giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hoàn thành cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; chuẩn bị cho việc triển khai thị trường các bon; ban hành kế hoạch tổng thể quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP của Chính phủ phê duyệt Bản sửa đổi, bổ sung Kigali thuộc Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn; xây dựng các thiết chế quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổng kết đánh giá CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020.

2.7. Lĩnh vực khí tượng thủy văn: Đổi mới công tác dự báo, đa dạng hoá sản phẩm khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Nâng cao năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo, nhất là dự báo xa; dự báo, cảnh báo kịp thời các hiện tượng thời tiết, thủy văn cực đoan, nguy hiểm phục vụ phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Dự báo diễn biến dòng chảy, thủy văn, cảnh báo sớm chi tiết đối các đợt mưa lũ lớn để chỉ đạo vận hành an toàn hồ chứa thủy lợi, thủy điện, hồ đập, đê điều. Thực hiện xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ dự báo khí tượng thủy văn. Đảm bảo cảnh báo sớm và đủ độ tin cậy đối với các trận lũ vừa và lớn trên các hệ thống sông chính; tăng thời hạn dự báo, cảnh báo lũ cho các hệ thống sông lớn ở Bắc Bộ lên đến 2-3 ngày, lũ ở Trung Bộ lên đến 2 ngày, lũ ở Nam Bộ lên đến 10 ngày với độ tin cậy 80 - 85%; cảnh báo sớm về nguy cơ lũ quét, sạt lở đất đủ độ chi tiết đối với các khu vực.

Nâng cao chất lượng dự báo thời tiết đến hạn 10 ngày cho khoảng 600 điểm trên phạm vi cả nước với độ tin cậy 80 - 85% đối với hạn dự báo 3 ngày và

trên 70% đối với các dự báo còn lại. Đảm bảo kịp thời các dự báo, cảnh báo hạn cực ngắn (6 - 12 giờ), đặc biệt là đối với dông sét, gió giật mạnh, mưa đá, mưa lớn cục bộ. Phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa thông qua hình thức đầu tư công kết hợp với hình thức xã hội hóa. Thực hiện cung cấp các dịch vụ về khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

2.8. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và hệ thống các định mức kinh tế - kỹ thuật về đo đạc bản đồ cho phù hợp với các quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ. Xây dựng các quy định pháp luật, cơ chế chính sách phục vụ công tác quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ. Cập nhật, chia sẻ, khai thác và sử dụng có hiệu quả hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (NSDI) phục vụ Chính phủ điện tử, quản lý lãnh thổ, biên giới quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường. Trước mắt cung cấp dữ liệu ở tỷ lệ 1/25 000 phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Xây dựng Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 phù hợp với Luật Đo đạc và Bản đồ; Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống độ cao quốc gia bền vững, ổn định đảm bảo xác định chính xác và thống nhất về độ cao của mọi vị trí trong cả nước nhằm sớm công bố hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia hiện đại, đồng bộ, thống nhất được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời đảm bảo cung cấp, chia sẻ cho các ngành, lĩnh vực có liên quan. Hoàn thành và công bố mạng lưới trạm định vị toàn cầu bằng vệ tinh trên lãnh thổ Việt Nam; từng bước xây dựng hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo sử dụng trong hoạt động đo đạc bản đồ phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu xã hội.

2.9. Lĩnh vực viễn thám

Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, quản lý, lập quy hoạch, giám sát nguồn nước xuyên biên giới, giám sát về môi trường biến động diện tích đất rừng, biển, hải đảo, các khu vực có nguy cơ sạt lở, giám sát một số vùng biển, đảo trọng điểm xa bờ bằng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng. Cập nhật dữ liệu viễn thám quốc gia và siêu dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội. Triển khai hợp tác với Ấn Độ (cơ quan ISRO) lập trạm Dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh (trạm ASEAN - Ấn Độ).

Triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, phục vụ cho việc thu

nhận, xử lý dữ liệu viễn thám, đáp ứng kịp thời nguồn dữ liệu viễn thám phục vụ công tác điều tra cơ bản và giám sát tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.10. Lĩnh vực công nghệ thông tin và dữ liệu tài nguyên môi trường

Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên môi trường phục vụ mục tiêu hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh - quốc phòng. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển, vận hành Chính phủ điện tử.

Từng bước thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực của ngành tài nguyên môi trường nhằm tăng hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sử dụng văn bản, giấy tờ, chứng từ điện tử, chứng thực chữ ký số trong công tác hành chính; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong các hệ thống thông tin, các dịch vụ, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

3. Danh mục các đề án, nhiệm vụ chủ yếu triển khai năm 2020

Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình hành động, gồm:

- Phụ lục 01. Nhiệm vụ, đề án thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, gồm:

+ Phụ lục 01a: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật ngành tài nguyên và môi trường ban hành năm 2020.

+ Phụ lục 01b: Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện năm 2020.

- Phụ lục 02. Danh mục nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP: Nhiệm vụ thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng Chương trình công tác năm 2020 của đơn vị nhằm cụ thể hoá, cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ phát sinh và có kế hoạch triển khai hiệu quả từng nhiệm vụ trong Chương trình hành động này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối, ban hành trước ngày 20 tháng 01 năm 2020 và gửi về Bộ qua Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi đôn đốc.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về việc chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình này; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để phục vụ Bộ trưởng tham dự các phiên họp Chính phủ.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trên cơ sở kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và Chương trình hành động này, xây dựng Chương trình công tác năm 2020 của ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương; lựa chọn một số nội dung, chủ đề, mô hình để đề xuất với Ủy ban các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách địa phương thực hiện và báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Tăng cường công tác truyền thông, trao đổi, học tập kinh nghiệm của các địa phương để phát huy, nhân rộng các mô hình tốt về quản lý tài nguyên và môi trường; chủ động tham mưu với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các giải pháp đột phá trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý, trong đó lưu ý kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các mô hình điểm gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp.

d) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2020 để tổng hợp.

4. Vụ Thi đua và Khen thưởng và tuyên truyền phối hợp Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường, Báo Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này.

5. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ định kỳ 6 tháng/lần tổ chức Hội nghị của Bộ trưởng với Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường theo từng nội dung chuyên đề; tiếp tục hoàn thiện phần mềm tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường đáp ứng nhu cầu tra cứu của các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp và người dân.

6. Giao Tổ Công tác được thành lập theo Quyết định số 2016/QĐ-

BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2016 có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình hành động này.

7. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp định kỳ báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan chức năng theo quy định./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

PHỤ LỤC 01a
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT XÂY DỰNG NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2020

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm		Thời gian trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng	
I	Lĩnh vực đất đai			
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2013	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	04/2020
II	Lĩnh vực môi trường			
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	02/2020
III	Lĩnh vực địa chất và khoáng sản			
3	Nghị định thay thế Nghị định số 22/2012/NĐ-CP quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	11/2020
4	Nghị định quy định về quản lý khoáng sản ở các khu vực dự trữ để phát triển các dự án trên mặt.	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	11/2020
IV	Lĩnh vực khí tượng thủy văn			
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	10/2020
V	Lĩnh vực Tài nguyên nước			
6	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Pháp chế	11/2020

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian ban hành
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	
I	Lĩnh vực môi trường				
1	Thông tư quy định chi tiết một số điều Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ngập nước	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	8/2020
2	Thông tư quy định về hướng dẫn thực hiện báo cáo về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	9/2020
3	Thông tư quy định kỹ thuật quan trắc môi trường	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Môi trường	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	10/2020
II	Lĩnh vực tài nguyên nước				
4	Thông tư quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh	- Trung tâm quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; - Cục Quản lý tài nguyên nước.	- Trung tâm quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; - Cục Quản lý tài nguyên nước.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	3/2020
5	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh	- Trung tâm quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; - Cục Quản lý tài nguyên nước	- Trung tâm quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; - Cục Quản lý tài nguyên nước	- Vụ Kế hoạch và Tài chính; - Vụ Pháp chế.	8/2020
6	Thông tư hướng dẫn nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước	- Viện Khoa học tài nguyên nước;	- Viện Khoa học tài nguyên nước;	Vụ Pháp chế	9/2020

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian ban hành
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	
		- Cục Quản lý tài nguyên nước.	- Cục Quản lý tài nguyên nước.		
III	Lĩnh vực địa chất, khoáng sản				
7	Thông tư quy định kỹ thuật công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản đá khối làm ốp lát, mỹ nghệ	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	6/2020
8	Thông tư quy định kỹ thuật công tác khai đào công trình; lấy mẫu trong các công trình khoan, khai đào	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	10/2020
9	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; Thông tư số 61/2017/TTBTNMT ngày 22/12/2017 quy định quy trình, phương pháp xác định và các mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	8/2020
IV	Lĩnh vực khí tượng thủy văn				
10	Thông tư quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu hải văn, môi trường không khí và nước	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	3/2020
11	Thông tư quy định kỹ thuật phương pháp quan trắc hải văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	9/2020

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian ban hành
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	
12	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng bề mặt và đánh giá chất lượng tài liệu thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Kế hoạch và Tài chính; - Vụ Pháp chế.	10/2020
13	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	11/2020
VI	Lĩnh vực biển và hải đảo				
14	Thông tư ban hành Danh mục chất phân tán được phép sử dụng trên biển Việt Nam và hướng dẫn về quy trình sử dụng chất phân tán trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế	9/2020
VII	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ				
15	Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Đắk Nông	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế	4/2020
16	Thông tư quy định kỹ thuật về sử dụng hệ thống trạm định vệ tinh quốc gia trong đo đạc và bản đồ	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	5/2020
17	Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	8/2020
18	Thông tư quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000; 1:25.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	9/2020
19	Thông tư quy định kỹ thuật xây dựng lưới trọng	- Viện Khoa học Đo đạc	- Viện Khoa học Đo	- Vụ Khoa học	9/2020

TT	Tên văn bản	Đơn vị chịu trách nhiệm			Thời gian ban hành
		Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị trình	Đơn vị thẩm định	
	lực quốc gia	và Bản đồ. - Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	đạc và Bản đồ. Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	
20	Thông tư quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	10/2020
VII	Lĩnh vực viễn thám				
21	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Kế hoạch và Tài chính; - Vụ Pháp chế	10/2020
VIII	Lĩnh vực khác				
22	Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	- Vụ Kế hoạch và Tài chính; - Vụ Pháp chế	6/2020
23	Thông tư quy định về hướng dẫn tổ chức và hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường địa phương.	Vụ Tổ chức cán bộ; Quỹ Bảo vệ môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế	8/2020

PHỤ LỤC 01b
DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình /báo cáo	Ghi chú
I	Lĩnh vực đất đai				
1	Đề án Xây dựng chiến lược sử dụng đất cấp quốc gia có tầm nhìn dài hạn đến năm 2045	Tổng cục Quản lý đất đai	11/2020	Chính phủ	
2	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		12/2020	Bộ trưởng	
3	Đề án kết nối liên thông điện tử giữa cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan thuế		11/2020	Thủ tướng	
II	Lĩnh vực Môi trường				
4	Chiến lược bảo vệ môi trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040	Viện Chiến lược Chính sách tài nguyên và môi trường/Tổng cục Môi trường	11/2020	Thủ tướng Chính phủ	
5	Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Môi trường	12/2020	Bộ trưởng	
6	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		12/2020	Bộ trưởng	
7	Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		12/2020	Bộ trưởng	
III	Lĩnh vực Địa chất khoáng sản				
8	Nhiệm vụ Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-3030, tầm nhìn đến 2050	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	10/2020	Thủ tướng Chính phủ	

PHỤ LỤC 02

NHIỆM VỤ, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Rà soát và hoàn thiện tài liệu, tổ chức tập huấn, hướng dẫn địa phương để hiểu đúng, đầy đủ, thống nhất về mục tiêu chỉ số thành phần đăng ký tài sản và chất lượng quản lý hành chính đất đai; Hướng dẫn địa phương thực hiện các giải pháp cần thiết nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình gắn liền với đất, thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà, đăng ký quyền sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành	Tổng cục Quản lý đất đai.	Tài liệu hướng dẫn (nếu cần phải sửa đổi, bổ sung); tổ chức tập huấn; hoặc Văn bản của Bộ hướng dẫn địa phương	Quý II/2020
2	Chủ động tham mưu trình Bộ để phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao trong việc công bố công khai số liệu về giải quyết tranh chấp về đất đai; rút ngắn thời gian xử lý các vụ việc về tranh chấp đất đai	Tổng cục Quản lý đất đai.	Báo cáo Lãnh đạo Bộ để đề xuất với Tòa án nhân dân tối cao trong việc công bố công khai số liệu về giải quyết tranh chấp về đất đai; rút ngắn thời gian xử lý các vụ việc về tranh chấp đất đai	Quý II/2020
3	Rà soát đề xuất Lãnh đạo Bộ công bố TTHC liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh đã được đơn giản hóa từ năm 2018 -2019 (nếu có). Công khai các TTHC nêu trên sau khi được Bộ	- Văn phòng Bộ và các đơn vị được giao chủ trì xây dựng VBQPPL có quy	Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng	01/2020

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	trường công bố	định về điều kiện đầu tư kinh doanh được ban hành trong năm 2018 -2019).		
4	Rà soát so sánh và công khai các điều kiện đầu tư kinh doanh trước và sau khi bãi bỏ, đơn giản hóa;	- Vụ Pháp chế. - Tổng cục Môi trường.	Bảng so sánh điều kiện đầu tư kinh doanh trước và sau khi đơn giản hóa.	01/2020
5	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật có liên quan để bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo của Bộ	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị có liên quan.	Công văn của Bộ báo cáo Chính phủ về đề xuất sửa đổi Luật liên quan đến đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh (nếu có).	2020
6	Tiếp tục rà soát, cắt giảm và kiểm soát việc quy định điều kiện đầu tư kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	- Vụ Pháp chế; - Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ.	Các điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường được kiểm soát trong các văn bản quy phạm pháp luật.	Thường xuyên.
7	Thực hiện đầy đủ về cải cách về quản lý, kiểm tra chuyên ngành (theo mục a điểm 5 Phần III Nghị quyết số 02/NQ-CP)	Tổng cục Môi trường.		2020
8	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ	- Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường. - Các đơn vị trực thuộc Bộ.	Sản phẩm theo Kế hoạch của Bộ đã phê duyệt triển khai Quyết định số 1254/QĐ-TTg	Theo Kế hoạch triển khai Quyết định số 1254/QĐ-TTg

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
9	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 85/2019/NĐ-CP và thực hiện công bố theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng cục Môi trường; - Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường; - Các đơn vị có liên quan. 	Các nhiệm vụ được triển khai thực hiện theo Nghị định số 85/2019/NĐ-CP	Theo Nghị định số 85/2019/NĐ-CP
10	Cung cấp ít nhất 30% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Bộ; Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường; - Các đơn vị trực thuộc Bộ được giao tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. 	Thủ tục hành chính được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (dịch vụ công mức độ 4).	Năm 2020
11	Cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều hình thức khác nhau; tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo lộ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường; - Các đơn vị trực thuộc Bộ được giao tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính 	Công bố công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị trực thuộc Bộ hoặc rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính.	Năm 2020
12	Tiếp tục đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch	Văn phòng Bộ và các đơn vị trực tiếp tiếp	Thủ tục hành chính được trả kết quả	Năm 2020

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	vụ bưu chính công ích	nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	qua dịch vụ bưu chính công ích.	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình /báo cáo	Ghi chú
IV	Lĩnh vực Biển và Hải đảo				
9	Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	11/2020	Chính phủ	
10	Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		12/2020	Bộ trưởng	
11	Đề án tổ chức Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN về tăng cường điều phối và hợp tác môi trường biển		9/2020	Thủ tướng Chính phủ	
V	Lĩnh vực Biến đổi khí hậu				
12	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo rà soát và cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.	Cục Biến đổi khí hậu	5/2020	Thủ tướng Chính phủ	
13	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu và đánh giá hiệu quả của các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.		11/2020	Thủ tướng Chính phủ	
14	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030.		10/2020	Thủ tướng Chính phủ	
15	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia.		11/2020	Thủ tướng Chính phủ	
VI	Lĩnh vực Quản lý tài nguyên nước				
16	Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý Tài nguyên nước	12/2020	Bộ trưởng	
17	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		12/2020	Bộ trưởng	(Thực hiện theo QĐ 1977/QĐ-BTNMT ngày 31/7/2019)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình /báo cáo	Ghi chú
18	Hiệp định về Quy chế sử dụng nước dọc biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia	Văn phòng thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam	5/2020	Thủ tướng Chính phủ	
19	Đề án tổng thể về ảnh hưởng của phát triển thủy điện dòng chính sông Mê Công làm cơ sở xác định chủ trương đối sách của Việt Nam.		5/2020	Thủ tướng Chính phủ	
20	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước tại các dòng sông lớn	Cục Quản lý tài nguyên nước/Tổng cục Môi trường	5/2020	Chính phủ	Báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 9
VII	Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý				
21	Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040		10/2020	Thủ tướng Chính phủ	
VIII	Lĩnh vực viễn thám				
22	Đề án tăng cường năng lực quản lý viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	11/2020	Thủ tướng Chính phủ	
IX	Lĩnh vực khác				
23	Chiến lược phát triển ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Viện Chiến lược Chính sách tài nguyên và môi trường	11/2020	Thủ tướng Chính phủ	